

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17-07- 2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Sáu

2. Ông Đào Văn Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 104/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Sơn Thị L, sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng

- Bị đơn: Anh L (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Sơn Thị L trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 4 năm 2024 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án: Chị L1 anh N xây dựng hôn nhân với nhau năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, tỉnh Sóc Trăng ngày 15/10/2022. Quá trình chung sống, chị L1 anh N có một người con chung là cháu Lâm C Hsinh ngày 01/02/2023. Hiện cháu H sống cùng với chị L

Quá trình chung sống, chị L1 anh N1 xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh N2 lo làm ăn, không phụ chị L về kinh tế và tinh thần trong việc lo cho con, thường xuyên uống rượu, đi qua đêm không về nhà, chị Lđiện t thì anh N2 bắt máy,

chị L2 nhiều lần góp ý nhưng anh N2 sửa đổi. Chị L1 anh N đã ly thân từ tháng 4/2023 đến nay. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị L3 cầu ly hôn với anh N. Về con chung, chị L3 cầu tiếp tục nuôi cháu H1 không yêu cầu anh N3 dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lâm N4 có lời khai trong hồ sơ. Lý do, Tòa án nhiều lần triệu tập anh N đến Tòa án làm việc nhưng anh Lâm N5 không đến; Tòa án đến nhà lấy lời khai nhưng anh Lâm N5 không có nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L4 với anh N. Về con chung: Đề nghị hội đồng xét xử giao cháu Lâm C Hsinh ngày 01/02/2023 cho chị L5 tục chăm sóc, nuôi dạy, giáo dục. Hiện cháu H sống cùng chị L. Chị L6 yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị L7 chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng. Chị L2 nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004029 ngày 02/5/2024 được chuyển thu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 16 tháng 4 năm 2024 chị Sơn Thị L nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn, nuôi con với anh Lâm N5. Anh N6 địa chỉ đăng ký thường trú tại ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng anh N7 Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt chị L8 N theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lanh N xây dựng hôn nhân năm 2022 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, tỉnh Sóc Trăng ngày 15/10/2022 nên hôn nhân giữa chị L8 N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Chị L9 định trong thời gian chung sống, giữa chị L8 N thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do anh N4 lo làm ăn, không phụ chị L về kinh tế và tinh thần trong việc lo cho con, thường xuyên uống rượu, đi qua đêm không về nhà, chị L điện t thì anh N không bắt máy, anh N4 quan tâm chị L. Chị L1 anh N đã ly thân từ tháng 4/2023 đến nay. Nay chị L3 cầu ly hôn với anh N. Phía anh N được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh N4 đến Tòa án làm việc nên anh N4 có lời khai trong hồ sơ. Hội đồng xét xử

xét thấy lời khai chị L phù hợp với lời khai bà Thạch Thị S là mẹ ruột anh N Bà S xác định, quá trình chung sống, chị L1 anh N thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị L10 tin tưởng anh N8 kinh tế cũng như tình cảm. Mỗi lần vợ chồng chị L, anh N mâu t1, chị L11 điện thoại về cho bà S, bà S1 cả hai vợ chồng. Mỗi lần Tòa án gửi văn bản cho anh N9 Sđều có thông báo cho anh N10 nhưng anh N11 đi làm nên không về theo giấy mời của Tòa án.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Hôn nhân giữa chị L và anh N không còn hạnh phúc, quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn này đã trầm trọng, chị L1 anh N12 ly thân từ tháng 4/2023 đến nay. Chị L6 còn tình cảm với anh N mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị L3 cầu được ly hôn với anh N13 có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L4 với anh N

[4]. Về con chung: Chị L1 anh N chung sống với nhau có 01 người con chung là cháu Lâm Chiến H2, sinh ngày 01/02/2023.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đầy đủ đảm bảo điều kiện cho con chưa thành niên. Để đảm bảo sự ổn định sinh hoạt, ăn ở, học hành, chăm sóc, nuôi dạy cháu H do cháu H còn nhỏ và đang sống cùng chị L12 cần chấp nhận yêu cầu của chị L13 cháu H3 chị L tiếp tục nuôi dạy.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình làm việc tại Tòa án, chị L6 yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L9 định chị và anh N14 sống với nhau không có tạo lập tài sản chung và không nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7]. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị L7 chịu 300.000 đồng, chị L2 nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004029 ngày 02/5/2024 được chuyển thu án phí.

[8. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Sơn Thị L14 với anh Lâm N5. Xử cho chị Sơn Thị L15 ly hôn đối với anh L16 N

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Chiến H2, sinh ngày 01/02/2023 cho chị Sơn Thị L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu H sống cùng với chị L

Anh Lâm Nkhông trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Sơn Thị L không yêu cầu anh Lâm N5 cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, về nợ chung: Chị L xác định về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị L7 chịu 300.000 đồng, chị L2 nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004029 ngày 02/5/2024 được chuyển thu án phí.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Hưng Lợi,
Huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi